

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG CỦA NGƯỜI TÀY, NÙNG - TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN TẠI

BẾ VĂN HẬU (*)

Là cư dân tụ cư ở vùng thung lũng chân núi, sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp trồng lúa nước nên tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng người Tày, Nùng có nhiều điểm tương đồng với tôn giáo, tín ngưỡng các tộc người sinh sống bằng nông nghiệp lúa nước trong khu vực. Tuy vậy, do sống ở những tiểu khu vực có các yếu tố lịch sử, xã hội và môi trường tự nhiên không hoàn toàn giống nhau, nên giữa cộng đồng Tày, Nùng và các cư dân khác trong khu vực cũng có sự khác biệt về tôn giáo, tín ngưỡng.

Tuy nhiên, tôn giáo tín ngưỡng của cộng đồng Tày, Nùng về cơ bản cũng có những điểm tương đồng nhau. Điều đó có thể lí giải được bởi việc có cùng nguồn gốc, lại sinh sống đan xen với nhau qua nhiều thế kỉ, trong cùng một môi trường tự nhiên và xã hội, nên hai cộng đồng này có nhiều quan hệ mật thiết với nhau. Trong đó đáng chú ý là quan hệ hôn nhân, quan hệ chính trị, xã hội, v.v... Hơn nữa, cả hai lại có cùng quan hệ khá mật thiết và lâu dài với cộng đồng người Việt (Kinh), nên có thể dễ dàng nhận ra trong tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của hai dân tộc này cũng có sự giao thoa nhất định với dân tộc Kinh.

Riêng với dân tộc Nùng, do có một số lượng lớn sinh sống lâu đời ở khu vực biên giới Việt - Trung và thêm bộ phận mới di cư vào Việt Nam cách nay khoảng 200 - 300 năm nên tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của họ chịu ảnh hưởng khá sâu sắc tôn giáo, tín ngưỡng của người Choang, người Hán ở khu vực Hoa Nam.

Trong xã hội truyền thống của người Tày, Nùng chỉ có những hình thức tôn giáo sơ khai dưới dạng *vật linh, bái vật, ma thuật, tô tem*,... nên về mặt giáo lí và lễ thức, Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo (Tam giáo) đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tôn giáo, tín ngưỡng của họ. Hơn thế, do cộng đồng người Tày, người Nùng phải mượn chữ Hán ghi lại âm tiếng Tày, Nùng (Nôm Tày, Nôm Nùng) nên việc họ chịu ảnh hưởng rõ nét của *Nho giáo* là không thể tránh khỏi và càng góp phần làm cho đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của họ phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức. Từ đó, chúng ta thấy *Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo* đóng vai trò rất quan trọng trong các nghi lễ, lễ hội của đồng bào Tày, Nùng. Nó cùng với các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng truyền

*. Viện Xã Hội học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

thống vốn có của họ tạo nên sức sống tâm linh mang tính tập thể từ gia đình, dòng họ, cộng đồng bản làng, khu vực. Chúng kết hợp với nhau, hòa quyện vào nhau cho đến nay vẫn còn giữ nhiều giá trị và có vai trò nhất định trong cuộc sống, góp phần củng cố các mối quan hệ cộng đồng dòng họ, bản làng và tộc người.

Một số hình thức tôn giáo, tín ngưỡng

Thờ cúng thần bản mệnh cộng đồng.

Thần bản mệnh cộng đồng Tày, Nùng chính là *Trời - Đất* và *Ngọc Hoàng Thượng Đế*. Do đó, tục thờ *Trời - Đất* và *Ngọc Hoàng Thượng Đế* không có vùng Tày, Nùng nào không thực hiện. Điều này dễ hiểu vì cộng đồng dân tộc này chịu ảnh hưởng sâu sắc Đạo giáo của Nam Trung Hoa. Nhưng ở những vùng có chế độ *thổ ti* như Bảo Lạc (Cao Bằng), Vị Xuyên (Hà Giang) thì chúa đất được coi như con Trời. Chính vì thế, tổ tiên dòng họ Nông được xem như là các vị thần nông nghiệp: Nùng Trí Cao = Thần Nông; Ả Nùng (mẹ Nùng Chí Cao) = Thần Gia súc. Người dân còn có những vị thần linh thiêng, luôn phù hộ sự no ấm, sự hưng thịnh cho người dân là *Mé Khẩu* (Mẹ Lúa), *Mé Phải* (Mẹ Vải), *Pổ Nặm* (Bố Nước), *Mé Mường* (Mẹ Mường). Người Tày, Nùng còn coi *Tua Luông* = Thần Nước cũng là vị thần của chúa. Quyền lực chúa đất là quyền lực thần linh nên ít người dám chống đối lại chúa đất, nếu kẻ nào chống lại thì coi như đã li khai khỏi cộng đồng, thậm chí nếu tội nặng sẽ phải chết⁽¹⁾.

Những thần bản mệnh của bản, của địa phương là *Thổ thần*, *Sơn thần*, *Thủy thần*, v.v... đôi nơi là *Thành hoàng* (có lẽ

chịu ảnh hưởng của văn hóa Việt) và tùy theo từng nơi, hình thức thờ cúng thường là một bản hay nhiều bản. Những vị thần, những thành hoàng này cho dù được triều đình phong kiến phong hay được người dân suy tôn cũng thường là những người thật đã từng sống trên đời; họ có công trạng lớn với cộng đồng (lập làng, lập bản, giữ làng, giữ bản), khi mất được người dân tôn thờ như thần bản mệnh để tỏ lòng nhớ công ơn sâu nặng. Những vị thần này có khắp nơi trong vùng người Tày, Nùng sinh sống (Bản Mác, xã Thạch Đạm, Cao Lộc, Lạng Sơn; xã Khôn Đoài, Ngọc Động và Quảng Uyên, Cao Bằng...). Tại các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang... một số vị anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Nùng Trí Cao, Bế Khắc Thiệu, Nông Văn Vân, v.v... cũng được người Tày, Nùng lập đền thờ⁽²⁾.

Miếu, đền thờ các vị thần này gọi là *Đông slán* = *Rừng thiêng* nếu được lập ở một khu rừng có nhiều cây cổ thụ, và nếu đặt trên núi thì gọi là *Phi slán* = *Ma thiêng*; thờ thành hoàng ở đình, thờ thổ thần ở miếu. Đôi khi vật thờ chỉ là một hòn đá giống một số tộc người ở Đông Nam Á. Đồng bào cũng cho rằng, thần nước = *tua* hay *tu ngược* thường sống ở một vùng sâu sông, suối (thường do xoáy nước tạo ra). Những nơi này đồng bào rất sợ khi đến gần, hầu như không dám tắm, giặt, bơi lội, không đánh bắt cá. Do là vùng xoáy nước, có người chết đuối thì thoảng dạt vào càng làm cho người dân

1. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Hà Nội, 1992, tr. 229.

2. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*,... Sdd, tr. 231.

địa phương kinh hải. Vì thế miếu thờ cũng được lập tại đây cầu long vương không kéo người về châu hà bá⁽³⁾.

Do tính chất lập làng, giữ làng nên miếu thờ thần bản mệnh cộng đồng của người Tày và Nùng không phải nơi nào cũng có. Còn đền, miếu thờ các loại thần khác có mặt khắp nơi, và tương tự như vậy, đình xuất hiện rất nhiều. Do ảnh hưởng văn hóa Hán, người Tày, Nùng ở biên giới như Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng về bản sắc dân tộc có phần khác người Tày, Nùng sinh sống ở vùng nội địa như Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai. Điều này tác động nhất định đến tôn giáo, tín ngưỡng của họ.

Có thể khẳng định rằng, việc đồng bào Tày, Nùng thờ thần bản mệnh cộng đồng (bản, liên bản hay vùng) đã góp phần không nhỏ đến sự cố kết tộc người bền chặt theo thời gian.

Thời kì từ năm 1945 đến khoảng thập niên 90 thế kỉ trước, do không được tôn tạo, thậm chí bị phá và ngừng hoạt động nên các đình, đền, miếu hỏng dần hoặc mất hẳn. Thời kì này ở vùng đồng bào Tày, Nùng hầu hết không tổ chức các ngày lễ hội liên quan đến thờ thần bản mệnh trong mừng, trong vùng, v.v...

Từ thời kì đổi mới đến nay, các ngôi đền, miếu được tu tạo hoặc xây dựng lại bằng công sức của người dân địa phương. Các ngôi đình ít được xây dựng hơn do kinh phí quá lớn. Sinh hoạt tín ngưỡng được tổ chức vào những ngày tháng Giêng âm lịch, bản trên làng dưới khắp nơi tổ chức lễ hội đầu xuân theo ngày đã định từ xưa. Nền văn minh công nghiệp, với nhiều loại phương tiện thông

tin đại chúng (đặc biệt là truyền hình) hằng ngày chuyển tải các hình thức vui chơi giải trí, có thể nói, tỏ ra chưa đủ sức đẩy lùi được niềm tin tín ngưỡng của đồng bào vào dĩ vãng.

Thờ cúng Tổ tiên

Việc thờ cúng tổ tiên, thần bản mệnh cộng đồng là hai hình thức tôn giáo, tín ngưỡng rất quan trọng trong đời sống của đồng bào Tày, Nùng vì nó nói lên được ý nghĩa sinh thành của các bậc tiền bối với hậu sinh. Do đó, từng dòng họ, gia đình Tày, Nùng đều rất coi trọng các nghi lễ đó. Hầu như các gia đình có học vấn (đọc được sách chữ Hán, chữ Nôm) và các gia đình khá giả, quý tộc đều có gia phả, do tự ghi chép hoặc thuê viết và có địa điểm riêng thờ cúng tông tộc, dòng họ hay gia đình tùy vào cách chọn, có thể là một khu rừng cấm, một gốc cây to, hòn đá thiêng, ngôi miếu cổ, hay nhà thờ họ, v.v... Chu kì giỗ tổ là hằng năm, hay 2,3 năm và mỗi dòng họ, nhất là người Nùng có cách thờ cúng riêng⁽⁴⁾.

3. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*,... Sđd, tr. 231.

4. Như họ Luân, Nùng Cháo thờ ma nhà, ba đời cúng bô một lần, ăn hết ở ngoài nhà, không được mang vào trong nhà; họ Lý thờ ma trẻ con trong họ ở gốc cây mỗi năm một lần. Cách thờ cúng riêng của từng dòng họ liên quan đến “hèm” tức một thứ nguyên xưa để lại, con cháu phải theo, liên quan đến tàn tích của vật tổ, đến các kiêng cử và luật lệ của tam giáo, nhất là Đạo giáo. Ở vùng Tày, nhiều nơi có tục thờ “đăm” tức ông tổ dòng họ, giống như vùng Thái Trắng Lai Châu. Ở người Nùng, đặc biệt là Nùng Phàn Slinh có tục thờ ma ngoài sào là anh hùng Nùng Trí Cao (quan niệm xa xưa của người Nùng cho rằng, khi sang Việt Nam sinh sống, Nùng Trí Cao rước Tổ tiên đi theo, vì không lập được miếu thờ, nên họ cúng ngoài sào. Xem thêm: Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Hà Nội, 1992, tr. 232.

Có thể nói, cũng như quan niệm nhiều dân tộc khác, bàn thờ Tổ tiên của gia đình người Tày, Nùng phải đặt ở nơi trang trọng, có vị trí cố định, nơi đó thường là gian nhà giữa. Tùy địa phương, từng ngành, dòng họ, điều kiện kinh tế, v.v... bàn thờ người Tày, Nùng có bố cục, hình thức khác nhau.

Gia trưởng giữ tộc mệnh của cả nhà. Do vậy, tính chất gia trưởng hay địa vị của con trưởng được thể hiện rất rõ khi tiến hành cúng lễ. Chủ lễ là chủ gia đình, nếu sống chung với bố mẹ đẻ thì vai trò này thuộc về con trai trưởng và trong lúc làm lễ, chỉ có con trai mới được đến gần. Vào ngày mừng một, ngày rằm hằng tháng, họ tiến hành dâng lễ, to nhỏ tùy từng gia đình. Trong năm, đúng dịp có tổ chức hội hè, tế lễ, giỗ chạp, cầu an, v.v... chủ nhà thay mặt các thành viên trong nhà dâng lễ trình Tổ tiên cầu xin sự yên lành, thịnh vượng. Đó là một nhiệm vụ, đồng thời cũng là đặc quyền nhằm củng cố địa vị của người trưởng họ, người con cả, người chủ gia đình với toàn thể thành viên.

Người Tày, Nùng coi ma nhà = *phi rườn* là tổ tiên trực tiếp và giống như quan niệm của người Việt; ma nhà chỉ tính đến 4 đời, từ đời gia chủ đến cha, ông, cụ, kỵ hoặc có nơi 3 đời là cha, ông, cụ. Trong khi đó, tuy cùng ngữ hệ, nhưng người Thái lại coi ma nhà chỉ là thế hệ cha của chủ nhà.

Trên bàn thờ, người Tày, Nùng đặt ống hương tượng trưng cho linh hồn từng thế hệ trước. Người Nùng còn thêm tục lệ, ở cửa ra vào, họ bày ống hương (hay nén hương) thờ ông tổ đời thứ 4, 5. Những ông tổ này có nhiệm vụ chăm nom nhà cửa, tránh sự xâm nhập của

các ma làm hại. Ông tổ đời thứ 6, 7 được họ thờ dưới chuồng trâu hay chuồng gà với mục đích để chăm nom gia súc. Đến đời ông tổ thứ 8 trở đi, hồn mới về với Tổ tiên⁽⁵⁾.

Ma nhà của người Tày, Nùng là ma phù hộ cho con cháu làm ăn yên ổn, sung túc, không gặp tai ương, v.v... nên cúng bái phải thành tâm, nếu để ma nhà bất bình thì hậu quả có thể xảy ra: con cháu ốm đau, chết chóc, mất mùa, gia súc bị bệnh tật, v.v... Nhưng khi đã có lòng thành cúng bái mà vẫn bị ốm đau, không gặp điều lành, con cháu có thể trách *ma nhà*. Lễ cúng cũng tùy thuộc từng vùng, từng dân tộc. Ở vùng phía Tây Bắc, người Tày, Nùng nấu nướng đồ cúng toàn những món rất đặc trưng truyền thống như cơm lam, thịt nướng, rượu trắng và khi cúng lễ phải mặc trang phục dân tộc. Song ở vùng Đông Bắc, do ảnh hưởng của văn hóa Việt - Hán, đồ cúng có nhiều món thịnh soạn hơn, không nhất thiết phải là những món ăn truyền thống.

Người Tày, Nùng không có tục cải táng mà “đào sâu chôn chặt”. Vào ngày Thanh minh (3/3 âm lịch), ở nhiều vùng, con cháu tiến hành nấu nướng các món ngon (xôi cẩm, thịt luộc, bánh dậm, gà luộc, rượu trắng, v.v...) dâng cúng tại mộ địa. Ở nhiều nơi, ma bếp cũng được người Tày, Nùng thờ; nơi thờ là hòn đá đặt cạnh ông đồ rau và cũng thực hiện tục cúng Táo quân về Trời (23/12 âm lịch) như người Kinh.

Hiện nay, các gia đình người Tày, Nùng đều có bàn thờ và thờ cúng Tổ tiên (100%). Cũng như trước kia, hiện nay thờ

5. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Hà Nội, 1992, tr. 233.

cúng Tổ tiên không phải là công việc diễn ra hằng ngày, mà chỉ được tiến hành vào các ngày rằm, ngày lễ, ngày tết, dịp cưới xin, ma chay, v.v... Đồ cúng ngày nay cơ bản vẫn gồm các loại sản vật nông nghiệp như lợn, gà, gạo nếp, các loại bánh, v.v... Tuy nhiên, đồ cúng đã có thêm các loại sản phẩm hàng hóa công nghiệp như bánh kẹo, bia, nước ngọt, v.v... Việc thờ cúng Tổ tiên rất được đề cao do nhiều người mong muốn may mắn, giàu có nhanh. Họ mong muốn mỗi lần cúng lễ là ông bà tổ tiên sẽ phù hộ độ trì để mong muốn chóng trở thành hiện thực. “Thờ cúng ông bà là việc hệ trọng trong gia đình, hầu như nhà nào cũng có bàn thờ Tổ tiên. Nếu nhà nào không có thì làng bản sẽ chê cười, lên án và cho là vô phúc. Ví như ai đó cất xong ngôi nhà mới, việc quan trọng đầu tiên của họ là phải lập ngay bàn thờ để khi tiến hành lễ vào nhà mới còn có chỗ cầu cúng. Tất cả các việc hệ trọng liên quan trong nhà (làm ma, đám cưới, mừng sinh nhật, làm then giải hạn, v.v...) đều cúng lễ trước bàn thờ Tổ tiên. Không có bàn thờ Tổ tiên sẽ chẳng làm được gì” (Phỏng vấn nam giới, người Tày, 55 tuổi, Văn Quan, Lạng Sơn).

Thờ cúng Tổ tiên là một tập quán tốt đẹp của đồng bào Tày, Nùng và cũng như người Việt (Kinh) nó thể hiện đạo lý biết ơn, tình nghĩa sâu nặng của con người tuy ngày nay cũng mang lại nhiều hệ lụy.

Nghi lễ nông nghiệp

Đầu xuân, người Tày, Nùng tiến hành nhiều nghi lễ nhằm cầu xin mùa màng tươi tốt, bội thu,... trong đó đáng chú ý nhất là lễ khai mở mùa cây cấy, lễ hội *Lồng tồng* = xuống đồng.

Lễ hội *lồng tồng* là lễ hội cầu mùa thường thấy trong các cư dân nông nghiệp để dâng lễ vật lên thần bản và Thần Nông-thần bảo vệ nghề nông; đồng thời, tượng trưng cho việc mọi người cùng xuống đồng, cùng tham gia một chu kỳ sản xuất mới trong năm. Trong lễ này, đồng bào mời tất cả thánh, thần trên Trời, dưới Đất, không kể xa, gần cùng về chứng giám, phù hộ. Chủ trì lễ cúng là thầy mo, thầy tào, người đứng đầu dòng họ cư trú đầu tiên ở bản. Mâm cúng của các gia đình tham gia lễ hội là thịt gà, cá, rượu, không cúng thịt gia súc lớn (trâu, bò). Nơi cúng là hình nhân đặt giữa bãi đồng rộng tượng trưng cho vị thần cộng đồng (thần bản, mường)⁶. Một trong những nghi lễ quan trọng trong lễ hội *lồng tồng* là lễ gieo hạt giống. Sau khi cúng Thần Nông, người chủ trì buổi lễ bốc hạt giống tung lên cao với ý nghĩa thần linh ban phát hạt giống thiêng. Mọi người giơ vật áo ra hứng lấy bằng được vài ba hạt, mang về trộn lẫn với hạt giống của nhà mình chờ đến kì đem gieo với niềm tin sẽ có một vụ mùa tươi tốt, bội thu. Sau phần lễ đến phần hội với một số trò chơi dân gian mà *tung còn* là trò hấp dẫn nhất. Theo quan niệm của người Tày, Nùng chỉ khi Trời Đất giao hòa, âm dương kết hợp thì người ta mới có thể sống yên lành, no đủ và được hưởng nhiều phúc lộc. Vì thế, phải tung làm sao để còn trúng đích. Ai làm được điều đó được coi là người hùng, có công mang lại cho bản làng điều tốt lành, may mắn và quả còn xé rách vòng tròn đích trở thành một thứ vật thiêng, được rước về thờ tại đình làng. Trong trường hợp không có quả nào trúng đích thì bị coi là xui xẻo và phải tìm cách giải xui.

6. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Hà Nội, 1992, tr. 251.

Ngoài ra, cây bừa xong, khi reo mạ, lúc lúa ra đồng, khi gặt hái, đồng bào đều tổ chức một lễ cúng nhỏ Thần Ruộng và Thần Lúa. Đặc biệt có lễ khẩu mấu = cơm mới. *Khẩu mấu* được làm từ lúa nếp, vào tháng Chín âm lịch. Khi lúa sắp chín, người ta ra đồng cắt ít bông mang về nhà treo trên bàn thờ Tổ tiên, mời Tổ tiên về chứng giám thành quả lao động. Sau đó, họ thổi cơm từ những lượm lúa mới gặt, cúng Tổ tiên, thần thánh và mời bà con thân thích, láng giềng đến ăn mừng. Có nơi còn tổ chức hội cốm. Nhưng thông thường, lễ cúng cơm mới chỉ tổ chức trong gia đình⁽⁷⁾.

Ở vùng Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, người Tày, Nùng còn có tục cầu mưa như miền đồng bằng (cầu đảo) do thầy tào chủ trì. Nhưng ở vùng thung lũng sông Hồng, sông Chảy thì lễ cầu mưa vẫn giữ được các hình thức của truyền thống.

Trong lễ hội, thanh niên nam nữ dùng nhiều trò chơi để tạo ra tiếng sấm, tiếng mưa rơi, đi xin nước các gia đình trong bản để té vào nhau, cùng ra sông suối, để nguyên quần áo tắm, rồi cùng nhau đi quanh bản, thể hiện sự cầu mưa. Trong khi đó, người tham gia hát bài cầu mưa và trêu ghẹo nhau. Tục lệ đó mỗi nơi một khác, rất sinh động. Những khi sâu bọ phá hoại mùa màng, đồng bào thường làm lễ cầu Trời Đất, xin Thần Ruộng trừ hại cho⁽⁸⁾.

Người Tày, Nùng cũng không quên tổ chức cúng Thần Núi, Thần Rừng khi tiến hành canh tác nương rẫy. Họ dùng một thân cây cắm vào góc hay bên cạnh nương rẫy, rồi để vào đó nắm đất và một vật tượng trưng cho sinh thực khí, trên

cây treo *ta leo* (lạt tre hay nứa đan hình mắt cáo). Nắm đất là tượng trưng cho Thần Đất, sinh thực khí thể hiện *phong đăng, ta leo* nhằm xua tà.

Đối với một số cây trồng như bầu bí, khoai sọ, khoai lang, ngô, v.v... trước khi gieo trồng, nhiều nơi đồng bào dùng những hình thức ma thuật làm phép như treo những búi nhùi rơm lên cây để cho quả khỏi rụng, khỏi thui chột khi chưa kịp lớn. Hay khi trồng khoai sọ, khoai lang, đồng bào thường chôn theo một hòn đá hình củ khoai nhằm mong ước cho khoai to, chắc củ, không bị hỏng⁽⁹⁾.

Đồng bào Tày, Nùng cũng rất cẩn trọng làm thủ tục nghi lễ cầu xin Thần Rừng, Chúa Sơn lâm, Thần Sông, suối khi săn bắn, đánh cá. Sau khi săn được thú, đánh được cá, họ không quên tạ ơn Thần Rừng, Thần Sông, suối.

Tục thờ Thần Nước (thuồng luồng, hà bá, long vương) cũng là tín ngưỡng liên quan đến sản xuất nông nghiệp của đồng bào Tày, Nùng⁽¹⁰⁾.

7. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Hà Nội, 1992, tr. 252.

8. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*,... Sđd, tr. 253.

9. Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*,... Sđd, tr. 253.

10. Ở Bảo Lạc, đến cuối thế kỉ trước, còn có tục hiến tế người sống cho Thần Sông. Đó là một trai tân được nuôi tinh khiết rồi bị đưa đi, đẩy xuống nước dâng thần. Tục lệ này xưa phổ biến ở nhiều nơi. Sau này vật hiến tế được thay bằng cặp trâu trắng và trâu đen. Tương truyền ở Bảo Lạc, tục lệ này bị hủy bỏ do một người con gái yêu người con trai sắp bị hiến tế, báo cho người tình biết, nếu trước khi dâng thần, để dính nước sông vào người, thần không nhận lễ vật. Xem thêm: Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Hà Nội, 1992, tr. 253.

Cũng như một số nghi lễ khác, nghi lễ nông nghiệp đang có xu hướng phục hồi sau nhiều năm vắng bóng, nơi nào xưa kia có lễ hội Lồng tồng thì nay các địa phương đều tổ chức tùy theo khả năng. Kết quả nghiên cứu xã hội học về biến đổi văn hóa Tày, Nùng được tiến hành năm 2008 tại Lạng Sơn cho thấy: ở Cao Lộc, có đến 63,7%, Văn Quan 85,3%, Văn Lãng 46,3% số người trả lời có tham gia lễ hội. “Ngày xưa nói đến lễ hội thì ai cũng háo hức mong chờ. Đi hội vui lắm, được tham gia nhiều trò vui chơi như ném còn, đánh quay, đánh đáo, được thể hiện khả năng nấu những món ăn để bày mâm cúng rồi ăn uống hết mình. Bây giờ tuy xã hội văn minh, hiện đại, nhiều thú vui chơi, nhưng nhiều năm nay, khi lễ hội được tổ chức lại, vẫn thu hút bà con dân bản nô nức tham gia, xóm làng lại vui trở lại tập quán ngày xuân tưởng như đã mất” (phỏng vấn nam giới, người Nùng, 75 tuổi, Văn Quan, Lạng Sơn). Như vậy, lễ hội nông nghiệp vẫn là một trong những hoạt động sinh hoạt cộng đồng thu hút đông đảo người dân tham gia. Cho dù cách thức tổ chức không còn bản sắc như truyền thống, nhưng sự tham gia của người dân chỉ cốt vui bởi được sống lại trong không khí ngày xuân. Cũng theo nguồn số liệu cuộc nghiên cứu trên, nhận định này là có cơ sở: (1)- Gắn bó các thành viên trong cộng đồng: Văn Quan 38,6%, Cao Lộc 25,4% và Văn Lãng 66,3%; (2)- Giữ gìn truyền thống văn hóa: 56,1%, 40,3%, 75,0%; (3)- Vui chơi gặp gỡ: 92,9%, 93,6%, 92,0%; (4)- Cầu tài cầu lộc: 10,0%, 5,7%, 46,7%.

Ma thuật

** Ma thuật làm hại*

Theo dân gian, thầy mo, then, pút, tào hoặc những người bình thường nhưng

lại biết và học được một số phép thuật thường có khả năng tiến hành ma thuật làm hại. Mục đích nhằm làm cho người khác bị ốm yếu, suy kiệt, chết dần, chết mòn, thậm chí chết ngay. Hình thức thường dùng là thủ thuật bí mật *chài, yếm, phù chú, bùa ngải* sai khiến hay cầu siêu linh làm hại đối tượng.

Để thực hiện, người Tày, Nùng thường hay sử dụng *pjỏi hìn* (bói đá) hay *pjỏi ngư* (bói rắn) làm hại người khác và yếm vào thanh kiếm (*láp khống*), hòn đạn (*dan khống*), rồi từ xa, người bùa chú làm động tác *chém, bắn...* vào kẻ bị hại. Dùng thủ thuật chài, yếm để đôi trai gái, vợ chồng phải thương yêu nhau hay ngược lại.

Khi ra trận hay đi xa, một số người tin rằng, nếu đeo bùa, *vật hộ thân* như rìu đá, rìu đồng vào người, sẽ tránh được súng đạn cũng như luôn gặp may mắn.

Người Tày, Nùng cũng tin rằng nếu nhặt được những vật như hòn đá đôi, trứng gà trống, khúc đuôi rắn đang quện nhau, chim sẻ mắc tơ nhện, v.v... mang về bọc cánh kiến có thể dùng làm bùa yếm rất hiệu nghiệm⁽¹¹⁾.

Tuy nhiên hiện nay, theo kết quả một khảo sát xã hội học (2008), đa số người trả lời cho rằng, ma thuật làm hại, bùa ngải... đã từ lâu không còn tồn tại trong đời sống người Tày, Nùng, kể cả ở vùng sâu, vùng xa. Đồng bào cho rằng, ma thuật làm hại, bùa ngải trước kia chỉ là huyền bí mà các thầy *phù thủy, thầy mo, then, pút, tào* tự “đánh bóng” cá nhân.

“Trước kia, ở đây thuộc vùng sâu, vùng xa tỉnh Lạng Sơn, chỉ có hai dân tộc cùng chung sống là người Nùng và Tày.

11. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam...* Sđd, tr. 241.

Khi còn nhỏ, tôi nghe kể có thấy mo biết dùng phép làm hại người khác nếu kẻ đó là địch thủ hay kẻ thù. Họ không làm hại người bình thường. Tôi cũng bán tin, bán nghi. Nhưng bây giờ tôi không thấy có ai biết làm phép và cũng không thấy thấy mo nào làm việc này. Có thể một phần không ai còn biết làm, một phần do luật pháp cấm đoán” (phỏng vấn nam giới, người Nùng, 60 tuổi, Văn Quan, Lạng Sơn).

*** Ma thuật chữa bệnh**

Người Tày, Nùng quan niệm con người đau ốm và chết là do 2 nguyên nhân: Hồn = *Khoăn* lìa khỏi xác và do một sức mạnh vô hình nhập vào hồn. Đàn ông có 3 hồn 7 vía, đàn bà có 3 hồn 9 vía. Ba hồn người tương ứng với ba bộ phận cơ thể: đầu, mình, chân tay và sau khi chết cư trú ở trên trời, bãi tha ma và bàn thờ trong nhà. Người có hồn chính (hồn gốc) trú ngụ ở xoáy tóc (đồng bào cũng gọi xoáy tóc là *khoăn*) trên đỉnh đầu. Người ốm đau là do hồn bị xúc phạm. Người chết là do hồn gốc bỏ đi. Người Tày kiêng sờ vào đầu, nhất là đánh vào đầu bằng đũa cả⁽¹²⁾.

Theo quy luật, hồn người bình thường khi chết thì biến thành ma nhưng hồn các tù trưởng, các anh hùng thường hóa thành thần, hoặc thành thần mường, thần bản, luôn phù hộ mọi người. Có loại hồn người chết bất bình thường như cụt đầu, sản phụ chết cả mẹ lẫn con, người tự tử, chết đường chết chợ, chết chưa được làm ma, chết vào giờ thiêng, v.v... biến thành ma hận nên làm hại người sống. Như vậy có 2 loại ma. Ma lành là ma phù hộ tuy cũng có lúc quấy nhiễu; ma dữ luôn làm hại con người.

Người Tày, Nùng gọi các siêu linh là *phi*; *phi* = ma của người Kinh. Một số nơi ảnh hưởng Tam giáo, gọi là thần = *phi* slán.

Phi cũng có nhiều loại: ở trên trời, dưới nước, trên trần gian; có loại *phi lành*, *phi dữ*. Có *phi* cụ thể như *phi cáy* (ma gà), *phi hang cấn* (ma kì lân), v.v... Người ta cho rằng, *phi* nói tốt sẽ trở thành xấu (ví dụ: *phi* nói con trâu nhà anh béo đấy thì trâu sẽ ốm hoặc chết) và luôn mong cho người khác ốm đau, chết chóc, mùa màng, cây cối thất bát, trẻ sơ sinh bị ma hút máu mủ, làm cho chết. Những người bị nghi là có ma thường là nhà khá giả, con gái có nhan sắc và bị cộng đồng làng bản ghen ghét. Người bị nghi ngờ luôn sống trong tình trạng lo lắng, thậm chí bị đe dọa đến tính mạng và những trường hợp này rất khó lấy vợ lấy chồng. Quan niệm về *ma gà*, *ma kì lân*, v.v... của người Tày, Nùng gần quan niệm về *ma lai*, *ma cà rồng* của người Kinh.

Còn có một loại *phi* ở trên Trời nữa là các vị thần (*then*), thánh, bụt và Tổ tiên. Các vị thần, thánh được thờ dưới trần gian. Tổ tiên từ đời cụ kị trở lên, (tùy theo quan niệm của từng tộc người) ở hẳn trần gian và cũng chỉ khi cúng bái mới về họp mặt. Loại *phi* này thường phù hộ. Nếu con người ăn ở trái đạo, trái lẽ trời, mới bị thần, thánh quở phạt. Lúc đó, dưới trần gian thường bị lũ lụt, dịch hạn, v.v... Khi trong bản, làng có người phạm tội loạn luân hay có gái chữa hoang, xúc phạm đến thần thánh, ăn ở thất đức,... sẽ bị thần thánh quở phạt.

12. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*,... Sđd, tr. 243.

Loại *phi* dưới âm ti do Diêm Vương cai quản chỉ có nhiệm vụ xét xử người sau khi chết, không liên hệ với người trần. Loại này hay gây ra bệnh tật ốm đau, chết chóc đối với con người.

Có loại *phi* trú ngụ và cai quản một vùng sông, núi, đất nhất định: vua Thuồng Luồng hay Long Vương, ma hay Thần Đất, các thần rừng, núi, ruộng, rẫy mường, bản, v.v... Điều này cũng giống như các dân tộc Đông Nam Á với việc thờ cây, thờ đá⁽¹³⁾.

Muốn biết bệnh do nguyên nhân gì, người Tày, Nùng thường tin vào các thầy mo, tào, then, pút... có khả năng thương lượng với thần linh hoặc dùng sức mạnh trấn áp. Họ bày ra cách bói để tìm nguyên nhân xem ma nào làm: bói áo, bói quả, bói trứng, bói tiền xin âm dương, v.v... tùy khả năng gia chủ mà đòi cúng lễ to nhỏ bằng dê, lợn, trâu hay gà.

Cúng bái cũng gây được sự an tâm nhất định cho bệnh nhân. Nhưng chắc chắn kết quả có được của các thầy mo, then, pút chính là do biết ít nhiều cách xoa bóp hoặc một số bài thuốc nam gia truyền chữa bệnh thông thường. Những thủ thuật xua tà, gọi hồn, bắt ma, làm trò ảo thuật cũng làm cho người dân có phần thán phục. Nếu biết người bệnh không thể khỏi, có thầy cúng vẫn tiếp tục làm lễ sau khi đã báo cáo cho gia chủ người đó đã tận số. Đây là cách kéo dài thời gian, tăng chi phí, tạo thần bí.

Mo, then, pút, tào có những cách hành lễ khác nhau nhằm mục đích thỏa mãn yêu cầu của ma, xin ma tha cho. Gặp phải ma dữ thì điều âm binh, yểm bùa, điều vô dương oai, lấy trất Ngọc Hoàng hay

Then dọa cho ma sợ, có khi vừa đánh, vừa điều đình để đuổi ma.

Người Tày, Nùng cũng hay thường dùng một số bùa phép, vật kị ma để đề phòng ma làm hại. Vật kị ma thứ nhất là những mảnh chai cũ hay vật tượng trưng cho mảnh chai đan bằng nan tre, nửa hình mắt cáo gọi là *ta leo*. Họ cho rằng, mảnh chai hay ta leo có thể chống lại sự xâm nhập của bất cứ thế lực siêu nhiên nào. Vật kị ma thứ hai là các công cụ cổ xưa của loài người: rìu đá, rìu đồng mà đồng bào gọi là tấm sét, hoặc các dị vật tình cờ, qua báo mộng mà thấy: móng chân voi, nanh hổ, vuốt hổ, hòn đá có hình lạ, vòng vía của trẻ con, bùa hay vật thiêng mang câu phù chú của tào, mo và tro bếp, cục than hồng, cành lá bưởi, cây vòng, đòn gánh, đĩa cà, vũ khí⁽¹⁴⁾.

Chỉ cách đây một số thập niên trở về trước, tín ngưỡng liên quan đến việc chữa bệnh, kéo dài tuổi thọ của đồng bào Tày, Nùng khá phong phú, chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của họ tuy hiệu quả thực chất đem lại không nhiều, nó chỉ có ý nghĩa tinh thần. Giải pháp phổ biến của người dân hiện nay là họ thường xuyên đến các cơ sở y tế cấp xã, huyện để khám chữa bệnh. Số liệu khảo sát xã hội học (năm 2008) cho thấy, có khoảng 90% người được hỏi coi trạm y tế, bệnh viện các tuyến huyện, tỉnh là nơi tin cậy để thăm khám chữa bệnh. Riêng trạm y tế cấp xã, trong tháng cũng có hàng trăm lượt người đến khám chữa. Tây y và thuốc tây

13. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*,... Sđd, tr. 244.

14. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các Dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*... Sđd, tr. 245, 246.

đã trở thành bạn đồng hành tin cậy với đồng bào tuy họ cũng kết hợp cả thuốc nam, thuốc bắc. “Tôi thấy trong làng bản bây giờ rất ít gia đình đi bói toán để cầu cho người ốm khỏi bệnh, nếu có bệnh, họ thường đến trạm y tế xã hoặc bệnh viện huyện, nhà nào có điều kiện còn lên bệnh viện tỉnh. Sự tin tưởng vào các y, bác sĩ là rất cao” (phỏng vấn nam giới, người Tày, 62 tuổi, Văn Lăng, Lạng Sơn). Tuy vậy, chữa bệnh bằng niềm tin tín ngưỡng chưa hẳn đã mất, nó còn được đồng bào sử dụng trong các trường hợp: mắc bệnh quá hiểm nghèo, tây và đông y đều không chữa khỏi, trong tình trạng nằm chờ chết; Người già yếu không bệnh tật, nhưng mong muốn có sức khỏe tinh thần sống nốt những năm tháng còn lại cùng con cháu; Gọi hồn, gọi vía cho trẻ nhỏ do chúng đi chơi, chăn trâu, câu cá, lầy củi, v.v... chẳng may bị ngã, sa xuống sông, suối, hay gặp ma quỷ, v.v...

* * *

Sau 1954 đến nay, đặc biệt trong thời kì đổi mới, đời sống kinh tế-xã hội vùng người Tày, Nùng thay đổi sâu sắc. Trên lĩnh vực sản xuất kinh tế, năng xuất cây trồng được nâng cao do áp dụng khoa học kĩ thuật đã làm cho cuộc sống đồng bào ổn định. Trên lĩnh vực giáo dục, nhiều con em người Tày, Nùng được đi học và học cao, hình thành một bộ phận thoát li mới tham gia vào các lĩnh vực công, viên chức nhà nước rất đông đảo. Chính sách đầu tư, các phương tiện thông tin đại chúng phát triển cũng góp phần không nhỏ nâng cao trình độ văn hóa, dân trí. Đặc biệt trên lĩnh vực y tế, những thành tựu của y học, hệ thống bệnh viện, trạm y tế xã được phủ rộng

khắp vùng đồng bào Tày, Nùng đã thu hút số lượng gần như tuyệt đối đồng bào đến khám, chữa bệnh. Hệ tư tưởng mới được xác lập ở vùng người Tày, Nùng đã đưa đến nhận thức về trật tự của giai cấp thống trị cũ không còn nguyên giá trị.

Tất cả những tác nhân trên đã làm thay đổi căn bản đời sống tôn giáo, tín ngưỡng người Tày, Nùng. Các hình thức tôn giáo sơ khai như bùa, ngải, ma thuật chữa bệnh, v.v... hầu như không tồn tại. Các lễ thức cầu cúng như thần bản, thần mừng, thần đất, thần rừng, thần sông, v.v... hầu như không được chú ý do biểu tượng quyền lực của các thổ ti, chúa đất, thế lực siêu hình, di dân vào dĩ vãng, hết vai trò lịch sử. Tín ngưỡng liên quan đến gia đình như thờ cúng Tổ tiên còn được trân trọng, nhưng nghi thức có xu hướng khôi phục lại, nhưng không được chú trọng về nghi lễ mà nặng về phần hội theo cách thức khác nhiều so với truyền thống. Thanh niên không biết chữ Hán, Nôm Tày, Nùng và hơn nữa văn bản cúng tế lại còn rất ít, vì thế, tri thức cổ truyền về tôn giáo, tín ngưỡng càng mờ hồ. Hệ thống quyền lực thầy *mo*, *then*, *pút*, *tào* không còn giá trị nguyên vẹn tuy vai trò của nó ít nhiều có xu hướng xác lập lại. Những người đứng tuổi, đặc biệt là người già nông dân vẫn còn có niềm tin tôn giáo đáng kể. Do bệnh tật luôn là mối đe dọa thường trực, trong khi nhu cầu thuốc men, thầy thuốc đáp ứng chưa đủ nên còn có hiện tượng cúng bái liên quan đến chữa bệnh, tuy còn có người vừa cúng, vừa dùng thuốc. Không có tôn giáo lạ du nhập vào đời sống tôn giáo, tín ngưỡng người Tày, Nùng./